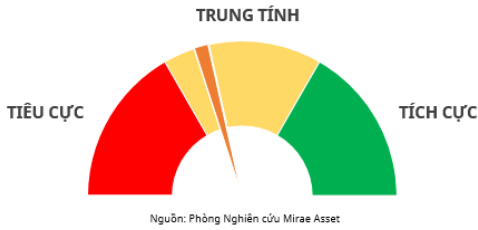


Thang đo sức mạnh thị trường



05 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,168.69	0.02	3.71	30.83
HNX	259.80	4.25	16.07	125.86
UPCOM	78.56	2.51	6.32	41.67
MSCI EM	1,346.34	0.53	-3.51	29.54
NIKKEI	28,864.32	-0.35	0.30	35.33
HANG SENG	29,098.29	0.41	-0.65	8.71
KOSPI	3,026.26	-2.37	-3.02	45.13
FTSE	6,595.02	1.72	1.63	-1.65
S&P 500	3,768.47	-1.59	-3.05	24.62
NASDAQ	12,723.47	-3.02	-8.18	45.60

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.03	2.45	13.71
SET INDEX	33.07	1.70	4.43
JCI INDEX	34.86	1.62	3.99
PCOMP INDEX	28.90	1.69	6.00

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.07	-1	1	-63
10 năm	2.35	-1	13	-7

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,035	-0.07	-0.16	0.78
US\$/KRW	1,126	-0.22	-0.19	4.91
US\$/JPY	108	-1.77	-2.86	-2.15
US\$/EUR	0.84	1.24	1.04	-5.78
US\$/GBP	0.72	0.77	-0.63	-6.28
US\$/SGD	1.34	-0.66	-0.51	3.09

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	658	583	303
HNX	118	84	36
UPCOM	73	35	18

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Chưa thể vượt 1.200, VN-Index lùi về vùng 1.168

Sau diễn biến cân bằng cuối tuần trước, NĐT có vẻ kỳ vọng VN-Index sẽ sớm trở lại đường đua chinh phục ngưỡng 1.200, thể hiện ở diễn biến tăng điểm trong 2 phiên đầu tuần. Chỉ số đã tăng 28 điểm trong 2 phiên này và chạm ngưỡng 1.196. Tuy nhiên cùng với diễn biến tiêu cực thị trường thế giới và chuỗi bán rông của khối ngoại, VN-Index đã quay đầu giảm trong 3 phiên còn lại. Từ mốc 1.196, VN-Index đã lùi về chốt tuần tại 1.168 gần như không đổi so với tuần trước.

Các nhóm bluechip tỏ ra cân bằng trong tuần. Ở chiều tích cực, GAS, VPB và VIB là những mã giúp VN-Index tăng lần lượt 1,64 điểm, 1,18 điểm và 1,07 điểm. Chiều tiêu cực, VHM, VIC và SAB lần lượt ảnh hưởng làm VN-Index giảm 2,81 điểm, 2,44 điểm và 1,97 điểm. POM và DCM gây bất ngờ khi thuộc nhóm mid cap nhưng xuất hiện trong top 10, với mức tăng ấn tượng lần lượt 28,18% và 24,44% đã ảnh hưởng đến VN-Index 0,30 điểm và 0,47 điểm.

Khối ngoại bán rông cả 5 phiên giao dịch trong tuần, trong đó phiên cuối tuần có giá trị bán rông mạnh nhất, lên đến 1.342 tỷ đồng. VNM là cổ phiếu bị bán rông nhiều nhất với giá trị 698 tỷ đồng, cổ phiếu này cũng giảm 1,72% trong tuần. Tiếp theo là CTG với giá trị bán rông 425 tỷ đồng và POW bị bán rông 374 tỷ đồng. Bên phía mua rông, PLX dẫn đầu danh sách mua rông với giá trị 505 tỷ đồng.

Nỗ lực hướng đến ngưỡng 1.200 của VN-Index trong tuần là lần thứ 2 từ sau tết và nỗ lực này vẫn chưa thành công. Sau thất bại của tuần này, khả năng vượt ngưỡng 1.200 của chỉ số trong ngắn hạn đang khá thấp. Cùng với diễn biến bán rông của khối ngoại, đà tăng của VN-Index có thể sẽ không còn mạnh mẽ như những tuần trước, VN-Index có thể sẽ bước vào diễn biến đi ngang. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức -2 (**TRUNG TÍNH**)

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-6	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-7	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	-7	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** 15 năm đã không phát hành thành công. Kỳ hạn 20 năm gần như thất bại khi chỉ phát hành được 60/ 500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,89% (không đổi so với đợt trước). Tổng cộng trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 810 tỷ đồng, tương ứng 13% tổng lượng gọi thầu.
- Ngày 10/03 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 03/03, lãi suất các kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần tiếp tục xu hướng giảm điểm về các mức lần lượt 0,31% (-2bps), 0,47% (-2bps), 0,58% (-23bps). Chiều ngược lại, lãi suất các kỳ hạn dài hơn như 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt tăng lên các mức 1,24% (+45bps), 1,56% (+6bps) và 3,62% (+52bps).
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** tại ngày 05/03/21 của NHNN trong tuần đã tăng 0,1556% lên mức 23.166 VND/USD. Tỷ giá NHTM đã có biến động cùng chiều khi tăng 0,1092% ở chiều mua và 0,1082% ở chiều bán lên mức 22.915 – 23.125 VND/USD. Trong khi đó tỷ giá tự do giữ nguyên mức mức 23.780 – 23.830 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

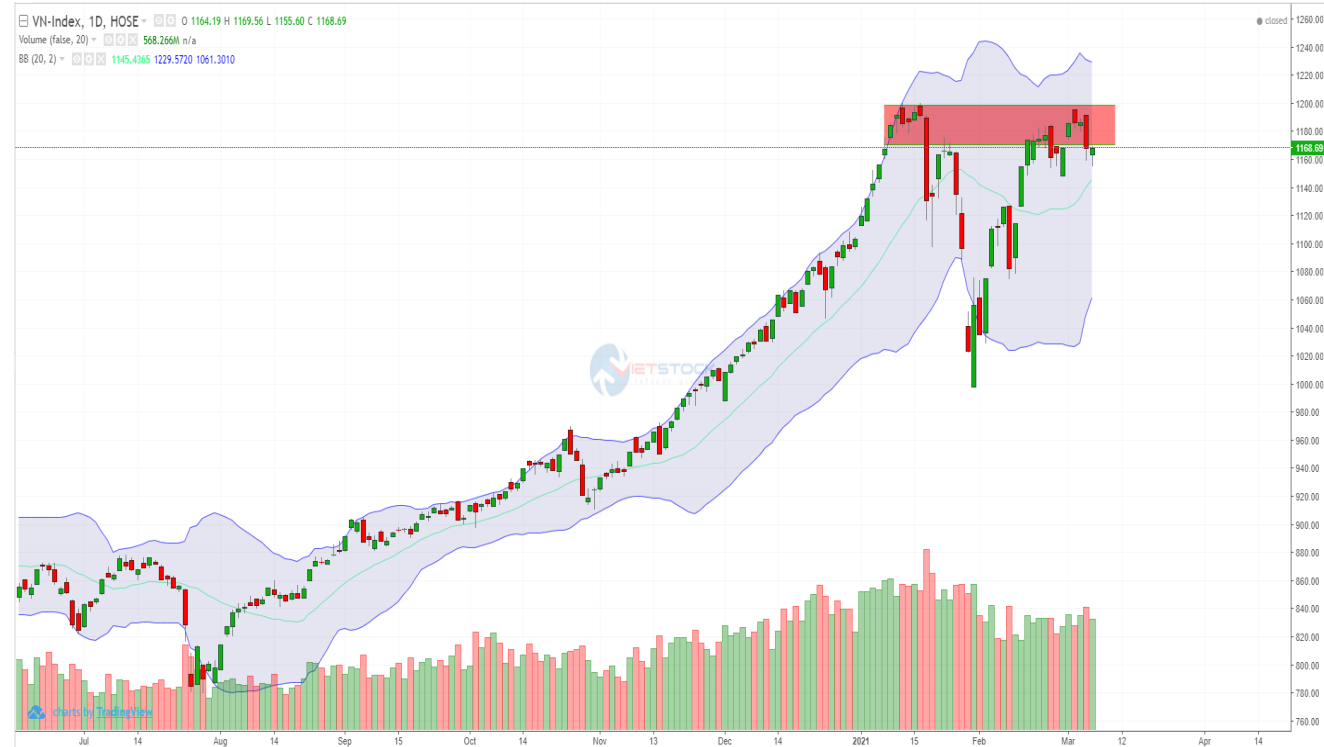
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/02/2021)	1.168,47 (+0,02% WoW)	Kháng cự 1 1.175
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.200
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.100

Sau 2 lần kiểm tra vùng 1.170 – 1.200 nhưng chưa thể bứt phá, chúng tôi đánh giá của VN-Index nhiều khả năng sẽ hình thành xu hướng đi ngang. Vùng kháng cự là 1.170 – 1.200 và vùng hỗ trợ là 1.100 – 1.150. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức -2 (**TRUNG TÍNH**).

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

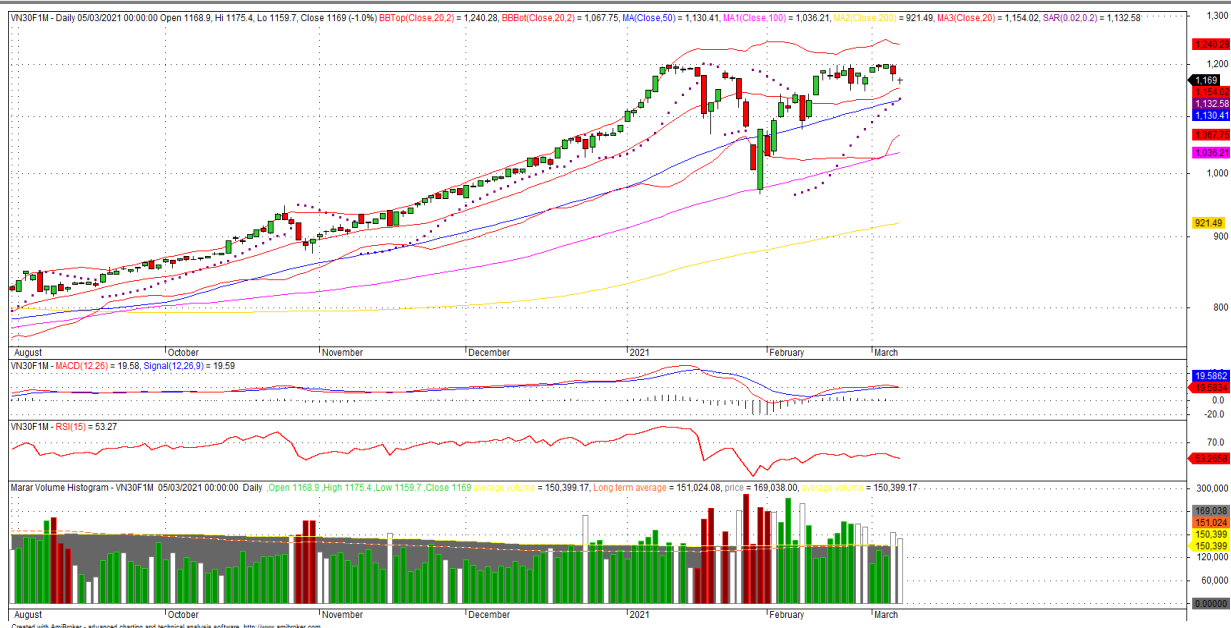
Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

- Đóng cửa ở mức thấp nhất trong tuần, khiến cho điểm số kỹ thuật của hợp đồng phái sinh VN30F1M giảm về mức +0 điểm TRUNG TÍNH.
- Với diễn biến đi ngang chưa rõ xu hướng trong 1 tuần vừa qua khiến xu hướng của hợp đồng VN30F1M chưa rõ ràng. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư không nên mở vị thế mới khi xu hướng chưa được xác định

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	14.6	2,700,520	2	TRUNG TÍNH	3,238	10.5	0.9
ACB	32.45	10,333,910	0	TRUNG TÍNH	70,143	9.1	2.0
ASM	16.7	4,197,145	6	KHẢ QUAN	4,323	8.7	1.0
BID	42.4	1,769,855	1	TRUNG TÍNH	170,534	23.9	2.2
BSR	16.1	15,460,470	7	KHẢ QUAN	49,918	17.9	1.5
BVH	59	745,330	-1	TRUNG TÍNH	43,797	28.3	2.2
CEO	12.1	4,696,420	7	KHẢ QUAN	3,114	#N/A N/A	1.1
CII	23.1	2,305,560	7	KHẢ QUAN	5,517	19.5	1.1
CTD	71.9	760,295	-1	TRUNG TÍNH	5,341	12.5	0.6
CTG	38	10,358,830	2	TRUNG TÍNH	141,489	10.3	1.7
CTR	96	599,800	4	KHẢ QUAN	6,891	37.4	7.7
DBC	54.9	1,974,820	6	KHẢ QUAN	5,752	4.0	1.4
DCM	16.8	4,209,035	5	KHẢ QUAN	8,894	16.3	1.4
DGC	71.4	939,915	7	KHẢ QUAN	10,622	12.5	2.7
DGW	111.2	398,995	5	KHẢ QUAN	4,782	18.8	4.2
DIG	30.5	4,432,235	-3	TRUNG TÍNH	9,606	14.6	2.0
DPM	19.2	2,570,470	7	KHẢ QUAN	7,514	11.5	0.9
DRC	26.9	2,170,720	-3	TRUNG TÍNH	3,196	12.5	1.9
DXG	22.25	8,437,940	-5	TIÊU CỰC	11,532	#N/A N/A	1.9
FCN	13.45	2,393,850	4	KHẢ QUAN	1,687	14.3	0.7
FIT	10.75	3,256,995	4	KHẢ QUAN	2,738	48.6	0.9
FLC	6.3	18,975,320	2	TRUNG TÍNH	4,473	163.8	0.5
FPT	75.9	2,799,480	-2	TRUNG TÍNH	59,498	18.4	3.8
FRT	27.7	1,506,065	0	TRUNG TÍNH	2,188	88.5	1.8
GAS	92.5	1,229,925	7	KHẢ QUAN	177,040	22.9	3.7
GEX	22.95	5,368,350	4	KHẢ QUAN	11,061	13.8	1.6
GIL	65.5	776,485	-2	TRUNG TÍNH	2,357	5.7	1.8
GMD	32.7	2,781,490	0	TRUNG TÍNH	9,855	28.9	1.7
GTN	25.8	1,741,280	2	TRUNG TÍNH	6,450	63.1	2.5
GVR	29.05	4,553,880	2	TRUNG TÍNH	116,200	27.1	2.5
HAG	4.84	6,955,190	7	KHẢ QUAN	4,489	#N/A N/A	0.7
HAH	25.3	1,682,810	4	KHẢ QUAN	1,199	9.3	1.1
HBC	17.95	8,136,945	2	TRUNG TÍNH	4,144	55.6	1.2
HCM	31	4,718,325	2	TRUNG TÍNH	9,456	17.8	2.1
HDB	25.85	4,441,595	2	TRUNG TÍNH	41,199	9.7	1.8
HDC	43.15	1,019,415	2	TRUNG TÍNH	2,870	12.4	2.5
HDG	43.9	1,636,345	4	KHẢ QUAN	6,773	7.0	2.1
HNG	11.3	5,723,770	-1	TRUNG TÍNH	12,527	583.0	1.4
HPG	46	24,936,710	4	KHẢ QUAN	152,411	11.3	2.6
HPX	34.3	929,265	-7	TIÊU CỰC	9,072	33.0	2.8
HSG	27.95	10,349,530	4	KHẢ QUAN	12,418	8.3	1.8
HUT	5.6	5,742,545	7	KHẢ QUAN	1,504	#N/A N/A	0.5
HVN	30.65	1,216,395	4	KHẢ QUAN	43,471	#N/A N/A	6.8
IDC	37	5,296,385	-7	TIÊU CỰC	11,100	36.8	3.1
IJC	29.25	6,529,200	0	TRUNG TÍNH	6,350	11.4	1.9
ITA	6.55	10,176,620	4	KHẢ QUAN	6,146	35.3	0.6
KBC	37.4	6,588,380	-7	TIÊU CỰC	17,569	102.9	1.8
KDC	49.05	1,067,590	5	KHẢ QUAN	11,220	49.2	2.0
KDH	31.45	1,495,050	-3	TRUNG TÍNH	17,574	15.4	2.2
KSB	33.7	1,930,105	0	TRUNG TÍNH	2,246	8.0	1.4
LCG	16.2	5,239,465	2	TRUNG TÍNH	1,867	6.0	1.0
LDG	7.42	5,833,530	2	TRUNG TÍNH	1,777	148.4	0.6

LPB	15.75	12,639,785	4	KHẢ QUAN	16,926	9.1	1.2
MBB	27.35	19,481,220	0	TRUNG TÍNH	76,546	9.2	1.6
MBS	23.8	1,757,315	7	KHẢ QUAN	3,911	14.6	1.9
MSN	89.2	1,457,750	-2	TRUNG TÍNH	104,782	84.6	6.6
MWG	132.2	1,321,185	-3	TRUNG TÍNH	61,622	15.3	3.9
NKG	20.25	5,452,000	4	KHẢ QUAN	3,483	11.9	1.1
NLG	35.5	1,846,070	-3	TRUNG TÍNH	9,772	11.9	1.7
NTL	26.7	1,208,160	0	TRUNG TÍNH	1,628	5.5	1.3
NVB	15.2	5,736,840	4	KHẢ QUAN	6,183	5,101.9	1.5
NVL	79.9	2,246,895	-4	TIỂU CỰC	85,010	20.2	3.1
PDR	62.6	3,661,780	-4	TIỂU CỰC	24,800	21.2	4.9
PET	19.75	1,881,880	7	KHẢ QUAN	1,651	12.3	1.1
PHR	62.8	942,910	4	KHẢ QUAN	8,509	7.9	2.7
PLX	58	2,137,885	2	TRUNG TÍNH	70,691	91.9	3.3
PNJ	83.8	585,535	0	TRUNG TÍNH	19,053	17.7	3.6
POW	13.45	11,939,360	7	KHẢ QUAN	31,498	14.3	1.1
PVD	25.25	12,847,265	7	KHẢ QUAN	10,634	88.9	0.8
PVS	24.9	13,724,060	7	KHẢ QUAN	11,901	18.3	1.0
PVT	18.5	5,896,600	7	KHẢ QUAN	5,988	9.5	1.2
REE	55.4	995,065	-5	TIỂU CỰC	17,121	10.6	1.5
ROS	3.47	18,183,590	-2	TRUNG TÍNH	1,970	1,156.7	0.3
S99	33.2	1,746,705	4	KHẢ QUAN	1,741	10.7	2.2
SBT	22.45	3,897,665	-2	TRUNG TÍNH	13,855	23.7	1.8
SCR	9.01	3,800,425	7	KHẢ QUAN	3,301	18.6	0.7
SHB	15.8	23,033,904	0	TRUNG TÍNH	27,734	9.5	1.1
SHS	27.5	7,011,655	4	KHẢ QUAN	5,700	7.6	1.8
SSI	33.45	14,069,230	0	TRUNG TÍNH	20,037	16.0	2.0
STB	18.7	22,469,520	0	TRUNG TÍNH	33,728	12.6	1.2
SZC	41.6	1,308,485	2	TRUNG TÍNH	4,160	22.4	3.3
TCB	39.2	15,355,600	-4	TIỂU CỰC	137,392	11.1	1.9
TCH	21.95	5,556,120	0	TRUNG TÍNH	7,754	8.5	1.6
TDC	22.5	1,683,705	4	KHẢ QUAN	2,250	13.5	1.8
TNG	25	3,029,075	4	KHẢ QUAN	1,850	11.9	1.6
TPB	28.5	3,237,165	0	TRUNG TÍNH	29,402	8.1	1.8
VCB	96.4	1,401,350	-5	TIỂU CỰC	357,536	19.4	3.6
VCI	53	1,003,390	-3	TRUNG TÍNH	8,777	11.4	1.9
VGJ	20.5	2,232,550	7	KHẢ QUAN	10,250	36.4	1.7
VHC	42.7	1,172,375	5	KHẢ QUAN	7,769	11.0	1.5
VHM	98.4	2,920,655	-5	TIỂU CỰC	323,688	11.6	3.8
VIB	43.3	890,875	4	KHẢ QUAN	48,036	10.4	2.7
VIC	106.3	1,378,395	-5	TIỂU CỰC	359,552	67.7	4.6
VIX	40.15	4,816,145	7	KHẢ QUAN	5,128	15.6	2.9
VJC	136.8	680,700	4	KHẢ QUAN	71,661	1,035.7	4.8
VND	27.5	4,280,325	0	TRUNG TÍNH	5,734	8.2	1.5
VNM	103	2,968,455	-7	TIỂU CỰC	215,265	21.6	6.9
VPB	41.8	6,457,720	7	KHẢ QUAN	102,608	9.8	1.9
VPI	35	1,143,215	0	TRUNG TÍNH	7,000	22.8	2.5
VRE	34.55	5,670,415	4	KHẢ QUAN	78,509	33.0	2.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc 'tích cực cân nhắc' gia nhập CPTPP, đặt mục tiêu tăng trưởng khiêm tốn

Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường ngày 5/3 tuyên bố mục tiêu tăng trưởng GDP của nước này là 6% trong năm 2021.

Cũng theo ông Lý, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới đặt mục tiêu tỷ lệ thất nghiệp trong năm nay là 5,5% đồng thời cũng kỳ vọng tạo ra 11 triệu việc làm mới ở thành thị giống năm 2019 và tăng 9 triệu so với năm ngoái. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng sẽ đặt mục tiêu tăng chỉ số giá tiêu dùng khoảng 3%.

Năm ngoái, Trung Quốc cho biết GDP của họ chỉ tăng trưởng 2,3%. Tuy nhiên, điều này cũng đã khiến Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn duy nhất trên thế giới tăng trưởng dương trong bối cảnh đại dịch Covid-19 hoành hành. Dù các số liệu chính thức của Trung Quốc thường không bị phương Tây nghi ngờ nhưng việc nước này kiểm soát tốt đại dịch Covid-19 đã khiến tăng trưởng dương hoàn toàn khả thi.

Sau một năm không dám đặt mục tiêu tăng trưởng GDP vì đại dịch Covid-19, Trung Quốc vừa đưa ra con số 6% cho năm 2021

Thương mại toàn cầu đã phục hồi sau khi sụp đổ trong giai đoạn đầu của đại dịch, với việc Trung Quốc và các nước sản xuất châu Á khác giành được thị phần lớn hơn trong xuất khẩu của mọi thứ, từ khẩu trang đến xe đạp. Dự kiến, thị phần mới này cũng sẽ duy trì sau khi dịch bệnh kết thúc.

Tháng 4 năm ngoái, khi phần lớn nền kinh tế toàn cầu rơi vào tình trạng đóng băng sâu sắc, các nhà kinh tế tại WTO cho rằng, dòng chảy thương mại toàn cầu có thể chịu mức suy giảm lớn nhất kể từ cuộc Đại suy thoái, lên đến mức 1/3.

Nhưng thực tế, dòng chảy thương mại toàn cầu chỉ giảm 5,3% trong năm ngoái, theo dữ liệu mới công bố của Văn phòng Phân tích Chính sách Kinh tế CPB Hà Lan, sau khi đã trở lại mức trước đại dịch vào tháng 11/2020. Thời gian để phục hồi lại mức cũ thậm chí chỉ tốn ít hơn một nửa thời gian so với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu trước đó.

Nhu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân, bao gồm khẩu trang, tăng vọt. Làm việc và học tập tại nhà đã thúc đẩy nhu cầu về máy tính. Nỗ lực tránh sử dụng giao thông công cộng ở các thành phố đã thúc đẩy nhu cầu về xe đạp. Nhiều gia đình nâng cấp nhà bếp và mua sắm đồ dùng mới. Trong đó, một phần nhu cầu đó nhờ các gói kích thích của chính phủ các nước giàu.

Alice L, một nhà tư vấn phát triển quốc tế làm việc tại Silver Spring, Maryland đã mua một số đồ dùng làm việc mới tại nhà trong thời gian xảy ra đại dịch, bao gồm máy tính xách tay, tai nghe, đèn, máy in và phần mềm máy tính.

Sau khi gói cứu trợ Covid-19 được thông qua vào tháng 3 năm ngoái, hầu hết hộ gia đình Mỹ được phát 1.200 USD. Bà Alice đã dùng nó để mua một chiếc điện thoại mới. Khoản tiền cũng "khiến tôi cảm thấy rằng việc mua một chiếc máy tính xách tay cao cấp mới là hoàn toàn có thể", người phụ nữ 75 tuổi nói.

Theo Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (Unctad), doanh số bán thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) qua biên giới, chẳng hạn như khẩu trang, đã tăng 40% trong quý III/2020 và tăng thêm 16% trong ba tháng cuối năm. Phần lớn hàng hóa xuất khẩu từ Đông Á, nơi các nhà máy đã mở cửa trở lại sau khi dịch bệnh được kiểm soát.

Đóng điện toàn dự án điện mặt trời 7.000 tỷ đồng lớn nhất Bình Định vào giữa năm 2021

Dự án điện năng lượng mặt trời Phù Mỹ có tổng mức đầu tư gần 7.000 tỷ đồng, với tổng công suất thiết kế 330 MWp triển khai trên diện tích hơn 323,5 ha được xem là dự án điện mặt trời lớn nhất tỉnh Bình Định dự kiến đóng điện toàn dự án vào giữa năm 2021.

Trong giai đoạn 1, nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ đã đóng điện thành công và nối lưới quốc gia vào ngày 31/12/2020, đưa vào vận hành khai thác thương mại công suất 216 MWp. Dự kiến giai đoạn 2, đối với 114 MWp còn lại, chủ đầu tư phấn đấu xây dựng hoàn thành vào giữa năm 2021.

TP Hồ Chí Minh đặt mục tiêu thu hút 5,4 tỷ USD vốn FDI

Năm 2020, TP HCM dẫn đầu cả nước về thu hút FDI với gần 4,4 tỷ USD. Tuy nhiên, con số này hiện giảm 47,5% so với cùng kỳ. TP đang có gần 10.000 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư 48,2 tỷ USD.

Năm 2021, Sở KH&ĐT còn có các mục tiêu lập mới hơn 40.000 DN; chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) thuộc nhóm 5 cả nước; tỷ lệ hài lòng của người dân đạt trên 91%; giải quyết, xử lý tất cả các phản ánh của người dân; 98% hồ sơ được xử lý đúng hạn; toàn bộ văn bản, tài liệu, trao đổi công việc giữa các cơ quan hành chính xử lý bằng điện tử; 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống điện tử trong công việc.

IMF: Năm 2021, lạm phát của Việt Nam vẫn sẽ đạt khoảng 4%

Theo IMF, năm 2020 đã kết thúc giai đoạn tăng trưởng cao kéo dài của Việt Nam. 3 thập kỷ cải cách theo định hướng thị trường vừa qua đã hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu từ nông nghiệp sang nền kinh tế hiện đại dựa vào các ngành chế biến, chế tạo với các doanh nghiệp đầu tư vốn FDI dẫn dắt, đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp.

Trong những năm gần đây, với tăng trưởng GDP trung bình ở mức 7%/năm và việc đặt trọng tâm "không để ai bị bỏ lại phía sau" đã nâng cao mức sống người dân, góp phần đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Chính sách tài khóa đã tập trung hỗ trợ tạm thời cho các doanh nghiệp và hộ gia đình dễ bị tổn thương, trong khi chính sách tiền tệ được nới lỏng để duy trì thanh khoản trong hệ thống ngân hàng. Nhờ vậy tăng trưởng GDP trong năm 2020 của Việt Nam đạt 2,91%, thuộc nhóm các quốc gia có tăng trưởng cao nhất thế giới.

Mặc dù đại dịch để lại một số tác động bất lợi kéo dài, song dự kiến, nền kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi mạnh trong năm 2021 khi quá trình bình thường hóa các hoạt động kinh tế trong và ngoài nước tiếp diễn. Các chính sách tài khóa và tiền tệ được kỳ vọng sẽ vẫn tiếp tục hỗ trợ, mặc dù ở mức độ thấp hơn so với năm 2020 và lạm phát được dự báo sẽ vẫn gần với mục tiêu của Chính phủ là 4%.

Hòa Phát được duyệt chủ trương mở rộng KCN Phố Nối A thêm hơn 92 ha

Thủ tướng Chính phủ đã quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (KCN) Phố Nối A.

Dự án trên do Công ty quản lý khai thác KCN Phố Nối A làm chủ đầu tư, thực hiện tại xã Minh Hải, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm và thị trấn Bàn Yên Nhân, huyện Mỹ Hào. Tổng vốn đầu tư dự án là 1.082 tỷ đồng.

UBND tỉnh Hưng Yên chịu trách nhiệm tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo đúng tiến độ và quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai.

Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên yêu cầu nhà đầu tư phải hoàn thiện các thủ tục về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Tập đoàn FLC muốn đầu tư hai tổ hợp khách sạn, sân golf 127 ha tại Điện Biên

Theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh này vừa ký kết biên bản ghi nhớ đầu tư một số dự án với CTCP Tập đoàn FLC (Mã: FLC).

Theo đó, UBND tỉnh này đồng ý giao Tập đoàn FLC tổ chức khảo sát thực địa, vị trí, địa điểm để nghiên cứu đầu tư xây dựng hai dự án, gồm Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại và nhà ở thương mại tại phường Thanh Trường (TP Điện Biên Phủ) và Tổ hợp sân golf, khu thương mại dịch vụ, khu du lịch nghỉ dưỡng tại xã Thanh Nưa (huyện Điện Biên).

Cụ thể, Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại và nhà ở thương mại tại phường Thanh Trường sẽ được có diện tích dự kiến khoảng 7 ha, gồm một khách sạn tối thiểu 300 phòng nghỉ và khu trung tâm thương mại, nhà ở thương mại.

Đối với Tổ hợp sân golf, khu thương mại dịch vụ, khu du lịch nghỉ dưỡng tại xã Thanh Nưa sẽ được xây dựng trên diện tích dự kiến khoảng 120 ha, gồm sân golf, khu biệt thự nghỉ dưỡng, khu nhà Câu lạc bộ,...

Tổng tài sản Nam A Bank tăng 42% trong năm 2020, nợ xấu giảm mạnh

Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank - Mã: NAB) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2020 với tổng tài sản tính đến cuối năm đạt 134.315 tỷ đồng, tăng 41,9% so với cuối năm trước.

Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng tăng 32% lên 89.172 tỷ đồng. Đồng thời, khoản mục chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cũng tăng mạnh lên 13.151 tỷ đồng, gấp 4,2 lần thời điểm cuối năm 2019.

Sự mở rộng mạnh mẽ của chứng khoán đầu tư chủ yếu đến từ trái phiếu chính phủ (tăng gấp gần 3,5 lần lên mức 14.744 tỷ đồng). Bên cạnh đó, Nam A Bank còn ghi nhận khoản mục trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành tăng thêm 1.950 tỷ đồng.

Về nguồn vốn, tính đến 31/12/2020, số dư tiền gửi khách hàng đạt 98.254 tỷ đồng, tăng 38,9%.

Trong năm 2020, dư nợ xấu của Nam A Bank giảm 44,2% xuống 744 tỷ đồng (chủ yếu từ nợ nhóm 3 và nhóm 4). Cùng với sự bứt tốc của tín dụng đã kéo tỷ lệ nợ xấu của Nam A Bank giảm mạnh từ mức 1,97% xuống 0,83%.

PV Power ước lợi nhuận hơn 410 tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm

Ngày 24/2, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã làm việc với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí (PV Power, HoSE: POW) về tình hình sản xuất kinh doanh và triển khai kế hoạch năm 2021.

Tổng giám đốc Lê Như Linh cho biết trong 2 tháng đầu năm, PV Power ghi nhận tổng sản lượng điện đạt gần 2,81 tỷ kWh, tổng doanh thu gần 4.677 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế ước đạt 410,5 tỷ đồng. Quý I/2021, tổng công ty có lợi nhuận trước thuế 614 tỷ đồng.

Năm nay, tổng công ty sẽ triển khai vận hành sản xuất, tối ưu hiệu quả tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và chuẩn bị sẵn sàng tham gia thị trường buôn bán, phấn đấu sản xuất cả năm 2021 vượt mức 21,2 tỷ kWh.

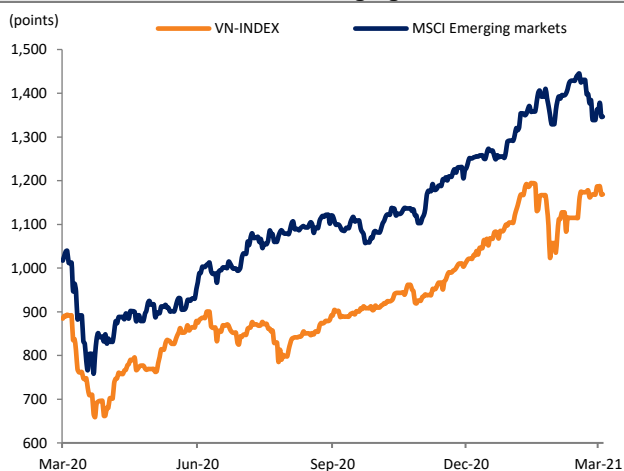
TTC Land (SCR) vẫn vướng thủ tục tại nhiều dự án

Ghi nhận tại Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (TTC Land, SCR), hiện Công ty còn vướng mắc ở dự án khu liên hợp nhà ở - văn phòng - thương mại Tân Đà - Hàm Tử (quận 5); dự án Charmington Iris (quận 4); dự án Charmington Golf & Life nằm tại 18B Nguyễn Văn Linh (Bình Chánh)...

Việc vướng pháp lý khiến các chủ đầu tư phải đối diện với nhiều khó khăn. Trong đó, khó khăn lớn nhất vẫn là dòng vốn đầu tư vay ngân hàng, phải sinh lãi hàng ngày. Sự ảnh hưởng này cũng tác động không nhỏ đến nguồn cung bất động sản giảm mạnh, doanh nghiệp giảm doanh thu. Hơn hết là sự tác động đến thị trường bất động sản, ảnh hưởng đến kinh tế thành phố.

Tính đến cuối kỳ, tổng tài sản SCR tăng nhẹ 5% lên 11.407 tỷ đồng. Trong đó, hàng tồn kho vào mức 3.310 tỷ đồng, chủ yếu là chi phí xây dựng dở dang tại các dự án Jamona City, Charmington Dragonic, Charmington Tamashi, Carillon 7, Jamona Home Resort, Jamona Cầu Tre...

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



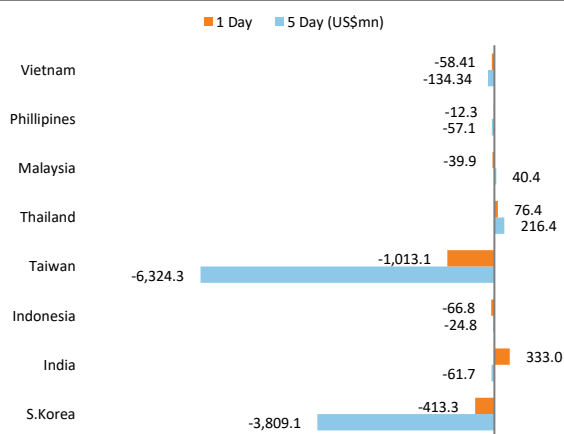
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



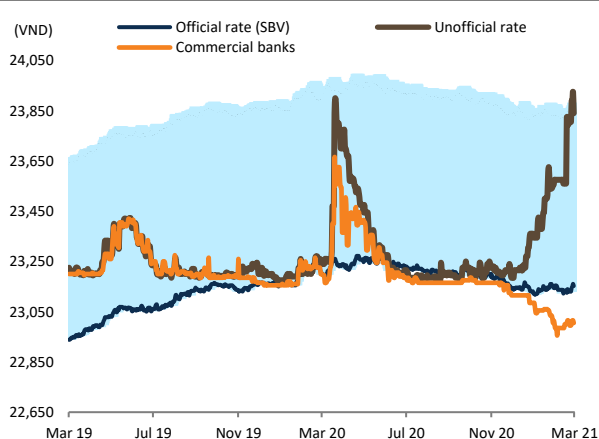
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



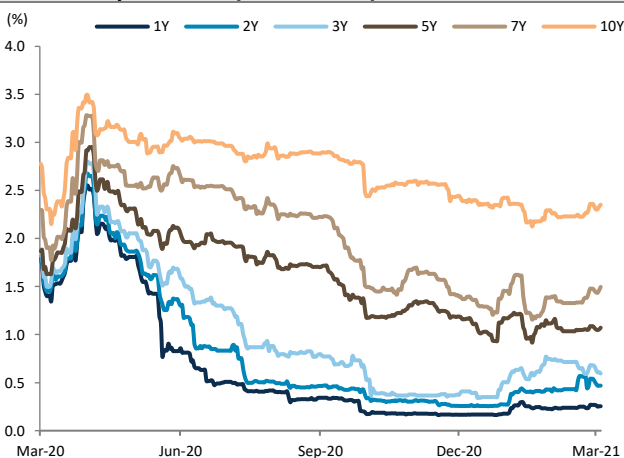
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



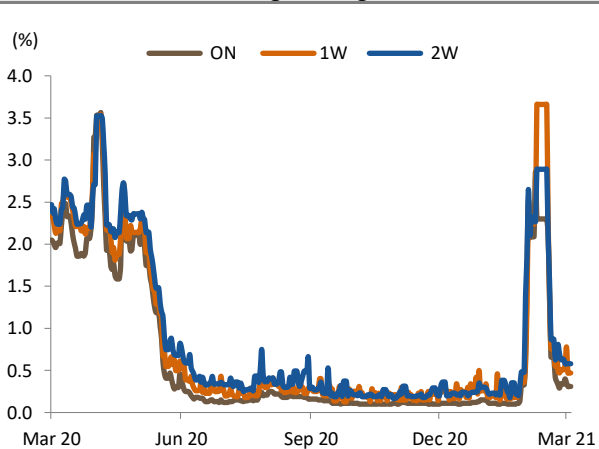
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,173.83	3,053,473		0.0	0.0	3.4	39.9	15.2	13.0	2.3	1.9	17.0	19.4	19.4	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,400	170,534	17.3	-0.8	-2.8	1.4	-9.1	17.5	10.9	2.0	1.7	61.1	12.4	16.1	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,000	43,797	27.9	-1.7	-0.2	-1.7	6.9	28.3	NA	NA	NA	NA	7.9	NA	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	38,000	141,489	28.4	-0.8	2.0	6.1	45.3	9.1	7.9	1.5	1.3	14.6	17.4	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	75,900	59,498	49.0	0.0	-0.4	4.1	59.9	15.0	13.0	3.4	2.9	15.9	25.1	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	92,500	177,040	2.9	1.8	3.6	13.9	18.4	17.8	16.9	3.6	3.5	5.6	19.8	20.5	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	25,850	41,199	17.2	-1.3	2.8	7.3	52.3	8.0	6.7	NA	NA	19.7	19.5	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,000	152,411	30.8	0.2	0.9	8.2	147.0	9.2	8.2	2.0	1.7	11.5	25.9	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,450	17,574	36.4	-1.6	-1.4	-4.0	33.2	14.6	10.5	2.0	1.7	39.0	15.4	16.8	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	27,350	76,546	23.2	0.7	-1.1	10.5	53.7	7.6	6.3	1.4	1.1	20.1	20.0	20.3	
Tập đoàn Masan	MSN VN	89,200	104,782	32.5	0.9	-1.2	-0.4	75.2	37.4	22.3	4.9	4.0	67.7	14.9	19.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	132,200	61,622	49.0	-0.5	-2.1	1.3	25.3	12.4	9.6	3.0	2.6	28.8	28.4	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	79,900	85,010	6.7	-0.9	0.4	-0.4	49.9	21.4	19.7	2.5	2.2	8.7	9.5	9.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	62,600	24,800	1.3	-0.3	-0.6	3.6	190.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	58,000	70,691	15.4	0.3	-0.3	11.1	15.3	21.8	17.7	3.0	3.0	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	83,800	19,053	49.0	0.0	-1.3	-0.1	2.6	15.3	12.1	3.2	2.5	26.0	23.2	24.7	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,450	31,498	7.7	6.7	6.7	5.9	31.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,400	17,121	49.0	-0.2	-2.3	3.6	72.0	9.6	8.0	1.4	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,450	13,855	7.9	-0.2	3.5	9.5	7.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	33,450	20,037	43.6	0.0	0.8	6.2	131.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,700	33,728	9.4	1.9	1.9	2.2	53.3	12.9	7.8	1.1	1.0	66.0	9.1	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,200	137,392	22.5	0.4	-0.1	8.0	75.8	9.3	8.1	1.5	1.3	13.7	18.2	17.4	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,950	7,754	5.5	0.7	0.7	-2.7	-33.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,500	29,402	30.0	-0.5	3.4	6.7	58.3	8.0	5.7	1.5	1.2	41.7	22.3	20.2	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	96,400	357,536	23.7	-0.9	-1.8	-3.6	16.0	17.4	13.9	3.0	2.6	25.0	20.2	21.4	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	98,400	323,688	22.4	-1.6	-3.1	-0.9	21.5	10.5	8.7	2.8	2.2	21.2	30.4	28.8	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	106,300	359,552	14.1	-0.6	-2.5	-1.1	0.7	44.5	28.2	3.8	3.3	57.8	9.0	12.7	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	136,800	71,661	19.3	0.0	1.3	4.3	11.2	181.9	21.0	4.4	3.5	767.8	8.6	21.8	
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	103,000	215,265	57.3	-0.4	-1.7	-6.0	18.3	19.5	17.8	6.3	5.6	10.0	37.2	37.0	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	41,800	102,608	23.4	0.7	4.5	13.0	50.1	9.0	7.6	1.6	1.3	18.8	19.3	19.0	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,550	78,509	31.1	0.0	4.1	5.7	20.8	26.5	19.9	2.4	2.2	32.7	9.8	12.1	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	0.22	4,366,877	0.0	0.0	3.7	30.8	18.0	14.9	2.4	2.35	20.7	13.7	17.4
Ô tô và phụ tùng	0.02	8,097	-0.2	1.3	3.2	33.1	5.9	5.5	1.0	1.0	24.8	11.1	10.8
Ngân hàng	0.84	1,292,737	-0.1	0.3	4.9	27.9	12.5	9.9	1.9	1.6	20.8	17.6	18.3
Xây dựng cơ bản	0.11	172,458	-0.2	0.6	6.1	65.2	4.3	4.0	0.4	0.4	NA	5.1	4.8
Dịch vụ thương mại	0.02	4,665	-1.0	1.8	2.5	15.6	7.0	5.5	NA	NA	-29.7	11.4	13.4
May mặc và trang sức	0.11	37,259	1.0	1.5	7.0	89.2	11.6	9.4	2.3	1.8	-6.3	18.9	18.3
Dịch vụ tiêu dùng	0.24	10,749	-0.4	7.4	27.2	78.8	14.5	5.0	NA	NA	NA	3.7	9.6
Dịch vụ tài chính	0.51	66,659	0.8	3.1	9.0	97.4	4.0	NA	NA	NA	51.6	4.1	NA
Năng lượng	0.31	90,544	1.2	1.3	12.9	29.2	22.2	17.3	2.6	2.5	-63.1	13.6	14.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.67	543,483	0.0	-1.7	-1.5	33.3	19.9	15.3	4.5	3.9	-14.6	23.1	24.1
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	932	-0.1	5.9	9.8	36.8	NA	NA	NA	NA	-40.7	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.24	12,420	0.9	8.1	28.6	2.8	7.5	6.6	NA	NA	51.6	24.5	24.6
Bảo hiểm	0.00	50,363	-1.4	0.0	-1.4	6.7	25.2	0.5	0.0	0.0	28.9	7.3	0.5
Nguyên vật liệu	2.27	378,405	0.7	2.7	11.7	87.9	13.8	13.8	1.0	0.8	60.2	15.9	14.6
Giải trí và truyền thông	0.00	1,239	-1.0	-0.3	-0.8	-49.7	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA
Dược phẩm	-0.04	34,535	0.1	-0.4	3.5	16.1	NA	NA	NA	NA	11.7	NA	NA
Bất động sản	-4.46	1,063,436	-0.8	-1.5	0.1	25.9	8.6	7.5	1.7	1.6	-21.6	9.7	9.9
Bán lẻ	-0.37	69,762	-0.4	-1.9	1.2	29.2	22.6	15.6	2.6	2.2	-2.4	14.7	15.8
Phần mềm và dịch vụ	-0.06	63,437	0.1	-0.4	4.0	57.3	11.4	8.6	2.7	2.3	10.2	25.3	25.6
Thiết bị và phần cứng	0.19	4,782	6.9	17.5	34.1	322.8	14.1	12.2	3.1	2.8	48.6	23.5	24.2
Dịch vụ viễn thông	-0.02	1,140	-0.6	-4.9	7.7	222.2	12.8	10.4	3.3	2.6	14.2	26.9	26.6
Vận tải	0.51	178,534	1.4	1.3	8.2	27.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	2.34	266,218	2.0	3.4	10.8	18.1	76.4	10.2	2.1	1.7	-29.0	6.3	12.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	92,500	3.58	1,307,800	1.64
VPB VN	41,800	4.50	5,130,580	1.18
VIB VN	43,300	9.07	867,880	1.07
VRE VN	34,550	4.07	5,450,660	0.82
CTG VN	38,000	2.01	10,964,220	0.75
POW VN	13,450	6.75	16,753,780	0.53
DCM VN	16,800	24.44	8,280,760	0.47
HPG VN	46,000	0.88	23,458,160	0.35
POM VN	18,650	28.18	650,360	0.30
LPB VN	15,750	7.14	17,454,820	0.30

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	98,400	-3.15	2,498,000	-2.81
VIC VN	106,300	-2.48	1,149,100	-2.44
SAB VN	176,500	-6.12	143,740	-1.97
VCB VN	96,400	-1.83	1,159,220	-1.78
BID VN	42,400	-2.75	1,981,180	-1.29
VNM VN	103,000	-1.72	2,944,620	-1.00
MWG VN	132,200	-2.07	852,800	-0.35
ACB VN	32,450	-1.82	9,416,460	-0.35
MSN VN	89,200	-1.22	1,095,760	-0.34
LGC VN	77,900	-7.26	1,000	-0.31

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.